

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày: 07-7-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Nguyên

Ông Nguyễn Hữu Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Tú A, sinh năm 1994 tại Nam Định; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1974 và bà Lương Thị K, sinh năm 1978; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt khẩn cấp, tạm giữ tại Trại tạm giam công an tỉnh Nam Định từ ngày 14/12/2022 đến ngày 22/12/2022 thì được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ để áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. NLQ1, sinh năm 2002; trú tại: Xóm 2, T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1995; trú tại: Đội 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. NLQ3, sinh năm 2000; trú tại: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. NLQ4, sinh năm 1994; trú tại: thôn Quần Liêu, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

5. NLQ5, sinh năm 1991; trú tại: TDP B, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

6. NLQ6, sinh năm 2002; trú tại: TDP N, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

7. NLQ7, sinh năm 1996; trú tại: xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

8. NLQ8, sinh năm 1992; trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

9. NLQ9, sinh năm 1993; trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

10. NLQ10, sinh năm 1995; trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

11. NLQ11, sinh năm 1985; trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

12. NLQ12, sinh năm 1997; trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

13. NLQ13, sinh năm 1992; trú tại: thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

14. NLQ14, sinh năm 2004; trú tại: đội 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

15. NLQ15, sinh năm 1993; trú tại: đội 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

16. NLQ16, sinh năm 1974; trú tại: thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

17. NLQ17, sinh năm 1993; trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

18. NLQ18, sinh năm 2000; trú tại: đội 6, T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

19. NLQ19, sinh năm 2000; trú tại: đội 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

20. NLQ19, sinh năm 2000; trú tại: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

21. NLQ21, sinh năm 1999; trú tại: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

22. NLQ22, sinh năm 1994; trú tại: thôn S, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

23. NLQ23, sinh năm 1999; trú tại: đội 3, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

24. NLQ24, sinh năm 2002; trú tại: thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

25. NLQ25, sinh năm 1999; trú tại: đội 3, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

26. NLQ26, sinh năm 1999; trú tại: xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

27. NLQ27, sinh năm 2000; trú tại: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

28. NLQ28, sinh năm 1985; trú tại: xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

29. NLQ29, sinh năm 1994; trú tại: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

30. NLQ30, sinh năm 1985; trú tại: thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

31. NLQ31, sinh năm 1996; trú tại: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

32. NLQ32, sinh năm 1984; trú tại: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

33. NLQ33, sinh năm 1986; trú tại: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

34. NLQ34, sinh năm 1986; trú tại: xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

35. NLQ35, sinh năm 1992; trú tại: xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

36. NLQ36, sinh năm 1997; trú tại: xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

37. NLQ37, sinh năm 1998; trú tại: Đội 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

38. NLQ38, sinh năm 2001; trú tại: Đội 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

39. NLQ39, sinh năm 1995; trú tại: xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

40. NLQ40, sinh năm 1992; trú tại: đội 17, thôn Tam Thắng, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

41. NLQ41, sinh năm 1982; trú tại: thôn Bình Long, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Trần Tú A đăng ký Giấy phép kinh doanh cơ sở cầm đồ tên "Tú A" tại nhà ở Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định với mục đích cho vay tiền và cầm cố tài sản của người vay để lấy tiền lãi với lãi suất thỏa thuận từ 3000 đồng đến 5000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khi khách đến vay tiền thì Tú A yêu cầu khách điền thông tin cá nhân vào mẫu Giấy vay tiền hoặc Biên nhận cầm đồ đã được in sẵn, sau đó lấy tiền đưa cho khách vay. Người vay tiền thường phải để lại giấy tờ tùy thân hoặc tài sản để làm tin; trừ một số trường hợp người vay quen biết với Tú A thì không cần. Hàng tháng, Tú A thu tiền lãi của khách dưới hình thức thu trực tiếp hoặc nhận tiền qua các tài khoản ngân hàng số 109600686894 mang tên Trần Tú A hoặc tài khoản ngân hàng số 105871219728 của vợ Tú A là Trần Thị Duyên đều mở tại Ngân hàng Vietinbank.

Ngày 12/12/2022, Tổ công tác liên ngành do Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Nam Định chủ trì (được thành lập theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh) đã kiểm tra hoạt động của cửa hiệu cầm đồ "Tú A". Căn cứ các tài liệu điều tra đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã xác định được 41 trường hợp vay tiền với lãi suất cao từ cửa hiệu cầm đồ "Tú A", cụ thể như sau:

*** Trường hợp thứ 1:** NLQ1, sinh năm 2002; trú tại: Xóm 2, T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 10/12/2022, NLQ1 mang chiếc xe máy Wave BKS 18L1-586.19 đến cửa hiệu cầm đồ "Tú A" để cầm cố vay số tiền 5.000.000 đồng. Tú A đồng ý và thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 180%/năm), cứ 10 ngày đóng lãi 01 lần đến khi trả tiền gốc. Khi vay sẽ cắt lãi trước 10 ngày đầu là 250.000 đồng thì NLQ1 đồng ý và để lại chiếc xe máy trên tại cửa hiệu "Tú A". Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ1 4.750.000 đồng. Khoản vay này, NLQ1 đã đóng 01 kỳ (10 ngày) tiền lãi là 250.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc cho Tú A nhưng chưa lấy xe máy về.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi Trần Tú A thu hợp pháp là 20%/năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc) là: $(5.000.000 \text{ đồng tiền gốc} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 20\%) \times 10 \text{ ngày} = 27.778 \text{ đồng}$;

Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $250.000 \text{ đồng} - 27.778 \text{ đồng} = 222.222 \text{ đồng}$.

(Việc xác định số tiền thu lợi bất chính được áp dụng theo cách tính như trên đối với các trường hợp vay khác)

*** Trường hợp thứ 2:** NLQ2, sinh năm 1995; trú tại: Đội 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Lần 1: Ngày 10/3/2022, NLQ2 có đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để vay số tiền 10.000.000 đồng. Tú A đồng ý và thỏa thuận lãi suất vay là 5.000đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần là 1.500.000 đồng đến khi trả tiền gốc thì thôi, khi vay sẽ cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết với Tú A nên khi vay NLQ2 không phải thế chấp tài sản tại cửa hiệu mà chỉ phải viết giấy vay tiền. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ2 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ2 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/5/2022 là 3.000.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.000.000 - ((10.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.667 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 10/5/2022, NLQ2 tiếp tục vay Tú A thêm 10.000.000 đồng cũng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A đã cắt lãi trước 30 ngày đối với khoản vay này là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ2 8.500.000 đồng. Đồng thời, Tú A yêu cầu gộp cả 02 khoản vay lại và bảo NLQ2 viết lại giấy vay số tiền 20.000.000 đồng. Khoản vay 20.000.000 đồng, NLQ2 đã đóng tiền lãi được 06 kỳ (180 ngày) tương ứng 18.000.000 đồng và đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền thu lợi bất chính là: $18.000.000 - ((20.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 180) = 16.000.000$ đồng.

Như vậy, sau 02 lần cho NLQ2 vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng, Trần Tú A đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 18.666.667 đồng.

*** Trường hợp thứ 3:** NLQ3, sinh năm 2000; trú tại: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Lần 1: Ngày 20/10/2021, NLQ3 có đến hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần đến khi trả tiền gốc, khi vay sẽ cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Tú A đã đưa cho NLQ3 4.250.000 đồng. Khoản vay này NLQ3 đã đóng 11 kỳ (330 ngày) là 8.250.000 đồng. Số tiền Tú A thu lợi bất chính là: $8.250.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 330) = 7.333.333$ đồng.

- Lần 2: Ngày 24/8/2022, NLQ3 tiếp tục vay thêm của Tú A 5.000.000 đồng cũng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, Tú A cắt lãi trước 30 ngày là 750.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $750.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 666.667$ đồng.

Bên cạnh đó, sau khi NLQ3 vay khoản thứ 2, Tú A yêu cầu gộp cả hai khoản vay lại thành 10.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 24/9/2022. Khoản vay này NLQ3 đã đóng được 3 kỳ (90 ngày) tiền lãi là 4.500.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng chưa lấy Căn cước công dân về. Như vậy, số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $4.500.000 - ((10.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 90) = 4.000.000$ đồng.

Như vậy, sau 02 lần cho NLQ3 vay tổng số tiền là 10.000.000 đồng, Trần Tú A đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

*** Trường hợp thứ 4:** NLQ4, sinh năm 1994; trú tại: thôn Quần Liêu, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 11/10/2022, NLQ4 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần, khi vay sẽ cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Sau đó, Tú A đã chuyển 4.250.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng MBbank số 0982.679.364 của NLQ4. Hàng tháng, NLQ4 đóng tiền lãi bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Tú A. Khoản vay này NLQ4 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 1.500.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc nhưng chưa lấy Căn cước công dân về. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.500.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.333.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 5:** NLQ5, sinh năm 1991; trú tại: TDP B, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 22/11/2022, NLQ5 mang chiếc xe máy Exciter BKS 18B1-272.86 cầm cố cho Tú A để vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 144%/năm), cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần, khi vay sẽ cắt lãi trước 30 ngày đầu là 600.000 đồng. NLQ5 điền thông tin cá nhân vào Giấy vay tiền in sẵn rồi đưa lại cho Tú A cùng xe máy và Giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó, Tú A đưa cho NLQ5 4.400.000 đồng. Đến ngày 06/12/2022, trên đường đi làm NLQ5 vào cửa hiệu cầm đồ trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay cho Tú A đồng thời do phải đi làm xa nhà nên NLQ5 vẫn gửi lại xe máy cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe tại cửa hiệu cầm đồ của Tú A. Khoản vay này NLQ5 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 600.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 516.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 6:** NLQ6, sinh năm 2002; trú tại: TDP Nam Sơn, thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Ngày 28/02/2022, NLQ6 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần đến, khi vay sẽ cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Tú A đưa cho NLQ6 4.250.000 đồng. Hàng tháng NLQ6 trả 750.000 đồng tiền lãi cho Tú A bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Thị Duyên - vợ của Tú A. Khoản vay này, NLQ6 đã trả cho Tú A 10 kỳ (300 ngày) tiền lãi là 7.500.000 đồng. Hiện NLQ6 vẫn chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng do có việc cần sử dụng nên NLQ6

đã đến gặp Tú A lấy Căn cước công dân về. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $7.500.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 300) = 6.666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 7:** NLQ7, sinh năm 1996; trú tại: xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

Ngày 06/12/2022, NLQ7 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng là 5.000đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Sau đó, Tú A đã chuyển 4.250.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của Tú A đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0971000026054 của NLQ7. Khoản vay này NLQ7 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) lãi là 750.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng chưa lấy Căn cước công dân về. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $750.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 8:** NLQ8, sinh năm 1992; trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Ngày 20/10/2022, NLQ8 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Sau khi NLQ8 viết giấy vay tiền, Tú A đã đưa cho NLQ8 4.250.000 đồng. Đến ngày 20/11/2022, Tú A yêu cầu NLQ8 trả lãi nhưng do không có tiền nên NLQ8 đã thỏa thuận với Tú A cho chuyển từ 30 ngày đóng lãi một lần xuống còn 10 ngày đóng lãi một lần là 250.000 đồng thì Tú A đồng ý. Sau đó, NLQ8 đã đóng thêm cho Tú A 02 kỳ (20 ngày) tiền lãi là 500.000 đồng. Ngày 08/12/2022, NLQ8 trả cho Tú A 4.000.000 đồng tiền gốc và xin nợ lại 1.000.000 đồng tiền gốc đồng thời không đóng tiền lãi nữa thì Tú A đồng ý. Hiện NLQ8 vẫn chưa lấy Căn cước công dân về. Khoản vay này NLQ8 đã đóng 50 ngày lãi là 1.250.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.250.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 50) = 1.111.111$ đồng.

*** Trường hợp thứ 9:** NLQ9, sinh năm 1993; trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 20/11/2021, NLQ9 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Chứng minh nhân dân của mình để vay 20.000.000 đồng với mức lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 2.400.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ9 17.600.000 đồng. Đến ngày 22/3/2022, NLQ9 đã trả cho Tú A 20.000.000 đồng tiền gốc vay và lấy lại Chứng

minh nhân dân. Khoản vay này NLQ9 đã đóng 04 kỳ (120 ngày) tiền lãi là 9.600.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $9.600.000 - ((20.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = 8.266.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 10:** NLQ10, sinh năm 1995; trú tại: thôn Tân Khang, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (BL: 746-747).

Ngày 03/12/2021, NLQ10 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ10 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ10 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 3.000.000 đồng. Đến ngày 01/3/2022, mẹ NLQ10 đã đến gặp Tú A trả 10.000.000 đồng tiền gốc NLQ10 đã vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.000.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 11:** NLQ11, sinh năm 1985; trú tại: thôn Nam Thọ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 27/10/2022, NLQ11 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân của mình để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và sẽ cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ11 4.250.000 đồng. Khoản vay này NLQ11 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 1.500.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời đã lấy lại Căn cước công dân. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.500.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.333.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 12:** NLQ12, sinh năm 1997; trú tại: thôn Ngoại Khu, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 04/12/2021, NLQ5 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân và 01 sổ hộ khẩu để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ5 4.250.000 đồng. Khoản vay này NLQ11 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 750.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời đã lấy lại Căn cước công dân, sổ hộ khẩu. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $750.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 13:** NLQ13, sinh năm 1992; trú tại: thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 09/6/2022, NLQ13 gọi điện cho Tú A hỏi vay 10.000.000 đồng thì Tú A đồng ý và thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng. Sau đó, Tú A đã chuyển 8.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Thị Duyên - vợ của Tú A đến tài khoản ngân hàng Viettinbank số 104869480984 của NLQ13. Khoản vay này NLQ13 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) tiền lãi là 4.500.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $4.500.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 4.000.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 14:** NLQ14, sinh năm 2004; trú tại: đội 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 20/10/2022, NLQ14 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A để vay 6.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần đến khi trả tiền gốc và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 900.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ14 5.100.000 đồng. Khoản vay này NLQ14 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 1.800.000 đồng. Hiện nay NLQ14 vẫn chưa trả 6.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.800.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.600.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 15:** NLQ15, sinh năm 1993; trú tại đội 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 07/01/2022, NLQ15 đến gặp Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ15 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ15 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) tiền lãi là 4.500.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $4.500.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 4.000.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 16:** NLQ16, sinh năm 1974; trú tại: thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 27/02/2021, NLQ16 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A để vay 15.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần và cắt lãi trước 30 ngày đầu là 2.250.000 đồng. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ16 12.750.000 đồng. Đến tháng 3/2021, do chưa có tiền nên NLQ16 đã xin nợ tiền lãi tháng này thì Tú A yêu cầu NLQ16 viết lại giấy vay tiền là 20.000.000 đồng và nói với NLQ16 là “*Sợ tháng sau chị không có tiền đóng lãi nên viết giấy*”

vay là 20.000.000 đồng”. Khoản vay này NLQ16 đã đóng 16 kỳ (480 ngày) tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến tháng 6/2022, NLQ16 đã trả cho Tú A 15.000.000 đồng tiền gốc vay và 2.000.000 đồng tiền lãi nợ tháng 03/2021. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $36.000.000 - ((15.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 480) = 32.000.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 17:** NLQ17, sinh năm 1993; trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngày 19/5/2022, NLQ17 đến gặp Tú A vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ15 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ17 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) với số tiền 1.500.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay vào tài khoản ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Thị Duyên - vợ của Tú A. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.500.000 - ((10.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 1.333.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 18:** NLQ18, sinh năm 2000; trú tại: đội 6, T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 07/11/2022, NLQ18 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng rồi chuyển 4.250.000 đồng từ tài khoản của Tú A đến tài khoản ngân hàng MBBank số 0394757756 của NLQ18. Khoản vay này NLQ18 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 1.500.000 đồng. Hiện NLQ18 chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.500.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 1.333.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 19:** NLQ19, sinh năm 2000; trú tại: đội 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Lần 1: Ngày 04/12/2022, NLQ19 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân của mình để vay 5.000.000 đồng với lãi suất với NLQ19 là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng và đưa cho NLQ19 4.250.000 đồng. Khoản vay này NLQ19 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 750.000 đồng. Hiện NLQ19 vẫn chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $750.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 666.667$ đồng.

- Lần 2: Ngày 08/12/2022, NLQ19 tiếp tục mang chiếc xe máy Wave màu BKS 18L1-27921 đến cửa hiệu cầm gấp đồ Tú A cầm cố để vay 3.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 108%/năm), cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 270.000 đồng và đưa cho NLQ19 2.730.000 đồng. NLQ19 cầm tiền và để lại xe máy tại cửa hiệu cầm đồ Tú A. Đến ngày 11/12/2022, NLQ19 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A và chuyển trả cho Tú A 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Viettinbank của Tú A rồi lấy xe về. Khoản vay này NLQ19 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 270.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $270.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 220.000$ đồng.

Như vậy, sau 02 lần cho NLQ19 vay tổng số tiền là 8.000.000 đồng, Trần Tú A đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 886.667 đồng.

*** Trường hợp thứ 20:** NLQ19, sinh năm 2000; trú tại: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 17/10/2022, NLQ19 đến cửa hiệu cầm đồ gấp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ19 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ19 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 3.000.000 đồng. Hiện NLQ19 vẫn chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng đã lấy lại Căn cước công dân. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.000.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 21:** NLQ21, sinh năm 1999; trú tại: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 22/11/2021, NLQ21 đến cửa hiệu cầm đồ gấp Tú A để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng và đưa cho NLQ21 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ21 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 1.500.000 đồng và đã trả cho Tú A 5.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.500.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.333.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 22:** NLQ22, sinh năm 1994; trú tại: thôn S, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 30/9/2022, NLQ22 đến cửa hiệu cầm đồ gấp Tú A đặt lại 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy điện BKS 18LA-015.28 để vay 5.000.000 đồng với lãi là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước

30 ngày đầu là 750.000 đồng và đưa cho NLQ22 4.250.000 đồng. Khoản vay này NLQ22 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) lãi với tổng số tiền 2.250.000 đồng. Hiện nay NLQ22 vẫn chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $2.250.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 2.000.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 23:** NLQ23, sinh năm 1999; trú tại: đội 3, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 07/9/2022, NLQ5 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 2.000.000 đồng với lãi suất là 5.000đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 300.000 đồng và đưa cho NLQ5 1.700.000 đồng. Khoản vay này NLQ5 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) lãi với tổng số tiền 900.000 đồng. Hiện nay NLQ5 vẫn chưa trả tiền 2.000.000 đồng tiền gốc vay. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán - TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự, tính đến thời điểm phát hiện ngăn chặn hành vi của Tú A vào ngày 12/12/2022 thì thời gian NLQ5 vay tiền của Tú A là 03 tháng 05 ngày (95 ngày), tương ứng số tiền lãi là 950.000 đồng. Như vậy, tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Tú A là: $950.000 - ((2.000.000:12:30 \times 20\%) \times 95) = 844.445$ đồng.

*** Trường hợp thứ 24:** NLQ24, sinh năm 2002; trú tại: thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 02/9/2022, NLQ24 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 900.000 đồng và đưa cho NLQ24 9.100.000 đồng. Khoản vay này NLQ24 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 900.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $900.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 733.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 25:** NLQ25, sinh năm 1999; trú tại: đội 3, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Lần 1: Ngày 24/3/2022, NLQ25 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A để vay 4.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 600.000 đồng và đưa cho NLQ25 3.400.000 đồng. Khoản vay này NLQ25 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 1.200.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.200.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.066.667$ đồng.

- Lần 2: Ngày 24/4/2022, NLQ25 vay thêm của Tú A 2.000.000 đồng cũng với lãi suất và thỏa thuận như trên. Tú A cắt lãi trước 300.000 đồng và đưa cho NLQ25 1.700.000 đồng. Khoản vay này NLQ25 đã đóng 01 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 300.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: $300.000 - ((2.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 266.667$ đồng.

- Lần 3: Ngày 24/5/2022, NLQ25 tiếp tục vay Tú A thêm 4.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A yêu cầu cộng cả 02 khoản vay trước lại thành 10.000.000 đồng để NLQ25 viết lại giấy vay 10.000.000 đồng. Khoản vay này NLQ25 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 1.500.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.500.000 - ((10.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 1.333.333$ đồng.

- Lần 4: Ngày 24/6/2022, NLQ25 tiếp tục vay thêm 3.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A yêu cầu gộp các khoản vay lại thành 13.000.000 đồng. Khoản vay này NLQ25 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 3.900.000 đồng. Đến ngày 24/8/2022, NLQ25 đã trả cho Tú A 11.000.000 đồng tiền gốc vay và nợ lại số tiền gốc là 2.000.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.900.000 - ((13.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 3.466.667$ đồng.

- Lần 5: Ngày 24/9/2022, NLQ25 vay thêm của Tú A 2.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A đồng ý và yêu cầu cộng với 2.000.000 đồng tiền nợ cũ lại thành số tiền gốc vay là 4.000.000 đồng. Khoản vay này NLQ25 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 600.000 đồng. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $600.000 - ((4.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 466.667$ đồng.

- Lần 6: Ngày 24/10/2022, NLQ25 vay thêm của Tú A 8.000.000 đồng với lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày và cộng khoản nợ cũ lại thành 12.000.000 đồng tiền gốc. Khoản vay này NLQ25 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 3.600.000 đồng. Hiện NLQ25 vẫn chưa trả 12.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.600.000 - ((12.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 3.200.000$ đồng.

Như vậy, sau khi cho NLQ25 vay tổng số tiền là 23.000.000 đồng, Trần Tú A đã thu lợi bất chính số tiền là 9.800.001 đồng.

* **Trường hợp thứ 26:** NLQ26, sinh năm 1999; trú tại: xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 30/6/2022, NLQ17 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày,

cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ17 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ17 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 3.000.000 đồng và đã trả cho Tú A 10.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời lấy căn cước công dân về. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.000.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 27:** NLQ27, sinh năm 2000; trú tại: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 22/2/2022, NLQ27 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A đặt lại 01 Chứng minh nhân dân để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng đưa cho NLQ27 4.250.000 đồng. Khoản vay này NLQ27 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi với là 750.000 đồng và đã trả cho Tú A 5.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời lấy chứng minh nhân dân về. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $750.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 28:** NLQ28, sinh năm 1985; trú tại: xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 18/12/2021, NLQ28 đến cửa hiệu cầm đồ đặt lại 01 Căn cước công dân để để vay Tú A 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ28 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ28 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) tiền lãi là 4.500.000 đồng và đã trả cho Tú A 10.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng chưa lấy lại căn cước công dân. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $4.500.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 4.000.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 29:** NLQ29, sinh năm 1994; trú tại: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 15/10/2022, NLQ29 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 6.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày đóng lãi 01 lần. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 900.000 đồng và đưa cho NLQ29 5.100.000 đồng. Khoản vay này NLQ29 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 900.000 đồng và đã trả 6.000.000 đồng tiền gốc vay cho Tú A đồng thời lấy căn cước công dân về. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $900.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 800.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 30:** NLQ30, sinh năm 1985; trú tại: thôn Giao Cù Trung, xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ngày 05/12/2022, NLQ30 mang chiếc xe máy BKS 18Y2-8717 đến cửa hiệu cầm cố cho Tú A để vay 5.000.000 đồng trong thời gian 06 ngày với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 108%/năm). Tú A cắt lãi trước 06 ngày đầu là 100.000 đồng và đưa cho NLQ30 4.900.000 đồng. Khoản vay này NLQ30 đã đóng 06 ngày tiền lãi là 100.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng vẫn chưa lấy lại xe. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $100.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 6) = 83.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 31:** NLQ31, sinh năm 1996; trú tại: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 21/12/2021, chị Tươi đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.200.000 đồng và đưa cho chị Tươi 8.800.000 đồng. Khoản vay này chị Tươi đã đóng 08 kỳ (240 ngày) tiền lãi là 9.600.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $9.600.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 240) = 8.266.6667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 32:** NLQ32, sinh năm 1984; trú tại: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 02/11/2022, NLQ32 đến cửa hiệu cầm đồ gặp Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, Tú A đưa cho NLQ32 5.000.000 đồng. Ngày 02/12/2022, NLQ32 nhờ em gái là NLQ33, sinh năm 1986; trú tại: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trả cho Tú A 5.000.000 đồng tiền gốc vay và 450.000 đồng tiền lãi nhưng NLQ33 chưa lấy Căn cước công dân của NLQ32 về. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $450.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 366.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 33:** NLQ33, sinh năm 1986; trú tại: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 30/9/2022, NLQ33 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A đặt lại 01 Chứng minh nhân dân và 01 Sổ bảo hiểm xã hội mang tên mình để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, Tú A đã đưa cho NLQ33 5.000.000 đồng. Khoản vay này NLQ33 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) tiền lãi là 1.350.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay nhưng chưa lấy chứng minh nhân dân về. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $1.350.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 1.100.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 34:** NLQ34, sinh năm 1986, xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 15/4/2022, NLQ34 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A cầm cố chiếc xe máy BKS 89H9-5398 để vay 4.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 600.000 đồng và đưa cho NLQ34 3.400.000 đồng. Khoản vay này NLQ34 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi là 600.000 đồng. Ngày 15/5/2022, NLQ34 đã trả cho Tú A 4.000.000 đồng tiền gốc vay và lấy lại xe. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $600.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 533.333$ đồng.

*** Trường hợp thứ 35:** NLQ35, sinh năm 1992, xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 22/11/2021, NLQ35 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ35 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ35 đã đóng 05 kỳ (150 ngày) tiền lãi là 7.500.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $7.500.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 150) = 6.666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 36:** NLQ36, sinh năm 1997, xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 26/7/2022, NLQ36 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ36 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ36 đã đóng 03 kỳ (90 ngày) tiền lãi từ ngày 26/7/2022 đến ngày 26/10/2022 với số tiền 4.500.000 đồng thì không đóng lãi nữa. Hiện nay NLQ36 vẫn đang nợ 10.000.000 đồng tiền gốc vay.

Tính đến thời điểm phát hiện ngăn chặn hành vi của Tú A vào ngày 12/12/2022 thì thời gian NLQ36 vay tiền của Tú A là 04 tháng 16 ngày (136 ngày), tương ứng số tiền lãi là 5.300.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Tú A là: $5.300.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 136) = 4.544.444$ đồng.

*** Trường hợp thứ 37:** NLQ37, sinh năm 1998, Đội 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 01/10/2022, NLQ37 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ37 8.500.000 đồng. Khoản vay này NLQ37 đã đóng 02 kỳ (60 ngày) tiền lãi là 3.000.000 đồng và đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A thu lợi bất chính là: $3.000.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 38:** NLQ38, sinh năm 2001, Đội 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 07/5/2022, NLQ38 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng và đưa cho NLQ38 4.250.000.000 đồng. Khoản vay này NLQ38 đã đóng 06 kỳ (180 ngày) tiền lãi với số tiền 4.500.000 đồng và đã trả cho Tú A 5.000.000 đồng tiền gốc vay. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $4.500.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 180) = 4.000.000$ đồng.

*** Trường hợp thứ 39:** NLQ39, sinh năm 1995, xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 28/10/2022, NLQ39 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A cắt lãi trước 30 ngày đầu là 750.000 đồng và đưa cho NLQ39 4.250.000.000 đồng. Khoản vay này NLQ39 đã đóng 01 kỳ (30 ngày) tiền lãi với số tiền 750.000 đồng và đã trả cho Tú A 5.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời đã lấy căn cước công dân về. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $750.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 666.667$ đồng.

*** Trường hợp thứ 40:** NLQ40, sinh năm 1992, đội 17, thôn Tam Thắng, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 16/9/2022, NLQ35 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A đặt lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay 20.000.000 đồng và chưa thỏa thuận lãi suất. Sau đó, Tú A đưa cho NLQ35 20.000.000 đồng. Ngày 16/11/2022, NLQ35 đến cửa hiệu để trả tiền thì Tú A yêu cầu NLQ35 phải trả thêm 4.000.000 đồng tiền lãi của 60 ngày (tương ứng 3.333 đồng/01 triệu/01 ngày - 119,9%/năm). NLQ35 đã trả cho Tú A 20.000.000 đồng tiền gốc vay cùng với 4.000.000 đồng tiền lãi đồng thời lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền Trần Tú A đã thu lợi bất chính là: $4.000.000 - ((20.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 3.333.333$ đồng.

* **Trường hợp thứ 41:** NLQ41, sinh năm 1982; trú tại: thôn Bình Long, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Ngày 23/11/2022, chị Quyên đến cửa hiệu cầm đồ Tú A đặt lại 01 Căn cước công dân để vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, Tú A đã đưa cho chị Quyên 5.000.000 đồng. Khoản vay này chị Quyên chưa đóng kỳ lãi nào. Hiện nay chị Quyên chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay. Tính đến thời điểm phát hiện ngăn chặn hành vi của Tú A vào ngày 12/12/2022 thì chị Quyên đã vay tiền của Tú A trong 20 ngày tương ứng số tiền lãi là 500.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Tú A là: $500.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 20) = 444.444$ đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Tú A đã khai nhận toàn bộ hành vi cho 41 người nêu trên vay lãi nặng để thu lợi bất chính.

Bên cạnh đó, quá trình hoạt động, do số tiền vốn của Tú A không đủ đáp ứng nhu cầu cho vay nên đến năm 2021, Trần Tú A đã rủ và thỏa thuận với Hoàng Tam Đ, sinh năm 1978; trú tại: thôn Nam Thọ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định nếu có người vay tiền đến cầm cố tài sản là xe máy mà Tú A không đủ tiền thì sẽ gọi cho Đ để cùng nhau chung vốn cho khách vay với lãi suất là 3000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tú A sẽ là người đứng ra giao dịch, thỏa thuận lãi suất với khách còn Đ góp tiền và định giá tài sản. Số tiền lãi thu được, cả hai sẽ chia đôi. Trường hợp hết thời hạn vay, khách không lấy lại xe thì Đ sẽ bán xe đi và chia tiền lãi cho Tú A. Căn cứ tài liệu điều tra xác định được Tú A cùng với Đ đã cho 05 khách hàng cầm cố xe máy để vay tiền nhưng không thu được tiền lãi hoặc mức lãi suất chưa đủ để xử lý hình sự, cụ thể:

+ Tháng 7/2022, có 01 khách (không rõ lai lịch cụ thể) ở xã T, huyện T, tỉnh Nam Định đã cầm cố cho Đ và Tú A 01 chiếc xe máy Air Blade (không nhớ BKS) để vay 20.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, người khách trên không có tiền để đóng tiền lãi và trả tiền gốc nên ngày 22/9/2022 Đ đã bán chiếc xe trên cho 01 người không quen biết với giá 22.000.000 đồng rồi đưa cho Tú A 1.000.000 đồng;

+ Tháng 8/2022, anh Tài (không rõ lai lịch cụ thể) ở xóm 14, xã N, huyện N, Nam Định đã cầm cố cho Đ và Tú A 01 chiếc xe máy Wave BKS 18D1-525.28 để vay 10.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Sau 10 ngày, Tài trả hết số tiền gốc vay, lấy xe về thì Tú A đưa cho Đ 50.000 đồng nói là tiền lãi. Tháng 9/2022, Tài tiếp tục mang chiếc xe trên đến cửa hiệu cầm đồ Tú A để cầm cố vay số tiền 11.000.000 đồng. Đến tháng 11/2022, Tú A đưa cho Đ 500.000

đồng nói là tiền lãi Tú A đóng hộ cho Tài. Sau đó, đầu tháng 12/2022, Tú A bảo Đ bán chiếc xe máy trên đi do Tài không lấy xe nữa nên Đ đã bán xe thu hồi tiền gốc cho vay và trả lại cho Tú A 500.000 đồng tiền lãi mà Tú A đã đóng hộ Tài.

+ Ngày 09/12/2022, anh Hà Ngọc Dĩnh, sinh năm 1978; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định đã cầm cố chiếc xe máy Airblade BKS 18B2 - 734.61 để vay Tú A và Đ 20.000.000 đồng. Khi Đ kiểm tra xe xong thì Tú A thỏa thuận với anh Dĩnh là sẽ thu trước số tiền lãi của 01 tháng là 900.000 đồng (tương đương 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày - 54%/năm). Sau đó Đ đưa cho anh Dĩnh 19.100.000 đồng;

+ Ngày 05/12/2022, anh Nguyễn Văn Hóa, sinh năm 1978; trú tại: đội 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định đến gặp Tú A cầm cố chiếc xe máy Future BKS 18E1-734.61 để vay 12.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi Đ đến kiểm tra xe thì đã đưa cho anh Hóa số tiền 12.000.000 đồng. Khoản vay này anh Hóa chưa đóng tiền lãi.

+ Ngày 12/12/2022, anh Đỗ Cao ThNLQ30, sinh năm 1979; trú tại: đội 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định mang chiếc xe máy SH BKS 18B1-861.76 đến cửa hiệu cầm đồ Tú A cầm cố để vay 30.000.000 đồng. Sau khi Đ đến kiểm tra xe thì Tú A thỏa thuận với NLQ30 mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, không thỏa thuận thời hạn vay. Đ góp 23.000.000 đồng còn Tú A góp 7.000.000 đồng để đưa cho NLQ30 vay 30.000.000 đồng. Khi NLQ30 nhận tiền xong định ra về thì bị Tổ công tác liên ngành do Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Nam Định chủ trì đến kiểm tra và thu giữ của NLQ30 số tiền 30.000.000 đồng. Cơ quan điều tra xác định khoản vay này, NLQ30 chưa trả khoản tiền lãi nào nên đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng cho Đ và Tú A.

*** Về thu giữ vật chứng:**

- Quá trình kiểm tra tại cửa hiệu cầm đồ "Tú A", Tổ công tác đã tạm giữ số đồ vật, tài liệu gồm (BL: 19-20):

+ 01 điện thoại di động Iphone, màu đen của Trần Tú A;

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Trần Tú A;

+ Các giấy tờ cá nhân của người vay tiền gồm: 45 căn cước công dân; 10 chứng minh nhân dân; 04 giấy phép lái xe; 05 giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 bản photo Quyết định số 4069/QĐ- UBND của Đới Thị Tuyết Mai; 06 quyền sở hộ khẩu; 03 quyền sở bảo hiểm xã hội;

+ 128 giấy vay tiền của người vay;

+ 01 quyển sổ biên nhận cầm đồ ký hiệu A1, đánh thứ tự từ 1 đến 36 ghi thông tin người cầm cố tài sản;

+ 01 quyển sổ bìa màu xanh, đánh số thứ tự từ 1 đến 16 ghi thông tin các lần trả lãi của người vay;

+ 01 dao bằng kim loại dài 56cm, có lưỡi sắc, mũi vuông;

+ 01 đao bằng kim loại dài 54cm, có lưỡi sắc, mũi nhọn;

+ 01 đao bằng kim loại dài 190cm, có lưỡi sắc, mũi nhọn;

+ 09 xe máy các loại của khách cầm cố.

- Bên cạnh đó, Tổ công tác đã tạm giữ của Hoàng Tam Đ:

+ 01 điện thoại di động Iphone;

+ 01 quyển sổ ghi thông tin người vay tiền, đánh số thứ tự từ 01 đến 03;

+ 02 giấy bán xe; 02 giấy biên nhận bán xe;

+ 12 giấy biên nhận vay tiền;

+ 01 xe máy Future BKS 18E1 - 332.56;

+ 01 xe máy Airblade BKS: 18B2 - 734.61;

+ 43 đăng ký xe máy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với 11 chiếc xe máy đã tạm giữ của Trần Tú A và Hoàng Tam Đ. Tại 11 bản Kết luận giám định từ số 369-01/KL-KTHS đến số 369-11/KL-KTHS cùng ngày 21/02/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: số khung, số máy của 11 chiếc xe trên là số nguyên thủy của nơi sản xuất. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh 11 chiếc xe máy trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với 01 con dao và 02 con đao đã thu giữ tại cửa hiệu cầm đồ của Tú A. Tại bản Kết luận giám định số 602/KL-KTHS ngày 13/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: 01 con dao và 02 con đao trên không phải là vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Đối với 04 chiếc xe máy tạm giữ của Trần Tú A và 02 chiếc xe máy tạm giữ của Hoàng Tam Đ, Cơ quan điều tra đã xác minh được nguồn gốc nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu, cụ thể:

+ Trả lại chiếc xe máy WAVE BKS 18L1-586.19 cho NLQ1, sinh năm 2002 trú tại xóm 2 Tân Liêu, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

+ Trả lại chiếc xe máy EXCITER BKS 18B1- 272.86 cho NLQ5, sinh năm 1991; trú tại: TDP B, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định;

+ Trả lại chiếc xe máy Airblade BKS 18Y2- 8717 cho NLQ30, sinh năm 1985; trú tại: thôn Giao Cù Trung, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;

+ Trả lại chiếc xe máy SH mode BKS 18B1-861.76 cho chị Trần Thị Thu Hiền; trú tại: 123/703 Trường Chinh, Hạ Long, Nam Định;

+ Trả lại chiếc xe máy Airblade BKS 18B2- 734.61 cho anh Nguyễn Duy Minh; trú tại: 3E khu lao động, phường Quang Trung, TP Nam Định;

+ Trả lại chiếc xe máy Future BKS 18E1- 332.56 cho anh Lại Văn Lâm; trú tại: xã Trục Mỹ, Trục Ninh, Nam Định.

- Đối với những đồ vật, tài liệu đã tạm giữ còn lại của Hoàng Tam Đ, Cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu của tội phạm nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Đ.

- Đối với các giấy tờ cá nhân của người vay tiền đặt lại làm tin đã thu giữ của Trần Tú A, Cơ quan điều tra đã sao y đưa vào hồ sơ vụ án, bản gốc giữ lại để trả lại cho những người vay tiền;

- Số vật chứng chuyển cùng hồ sơ vụ án gồm 01 Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh mang tên Trần Tú A;

- Số vật chứng chuyển Cục THADS tỉnh Nam Định chờ xử lý gồm: 01 điện thoại di động Iphone màu đen của Trần Tú A; 01 con dao và 02 con dao đã thu giữ của Trần Tú A;

- Đối với 05 chiếc xe máy đã tạm giữ của Trần Tú A còn lại, Cơ quan điều tra chưa xác minh được nguồn gốc cùng sổ sổ sách, tài liệu đã tạm giữ còn lại của Trần Tú A, Cơ quan điều tra đã sao y đưa vào hồ sơ vụ án và đều tách ra để tiếp tục phục vụ quá trình điều tra, xử lý sau.

Đối với hành vi Trần Tú A đã cho 05 người gồm: chị Đinh Thị Hà, chị Hoàng Thị Loan, chị Vũ Thị Minh Huệ, anh Ngô Văn Dương và NLQ34 vay tiền từ ngày

10/3/2018 đến ngày 21/11/2019 đều với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 180%/năm - gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) nhưng số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30 triệu đồng và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và hành vi Tú A cho 05 người vay tiền nhưng không lấy lãi gồm: chị Đinh Diệu Oanh, chị Đới Thị Tuyết Mai, anh Vũ Văn Cường, chị Vũ Thị Nhung, anh Phạm Văn Điều, Cơ quan điều tra đều không xem xét xử lý.

Đối với hành vi Trần Tú A đã cho 07 người gồm: anh Trịnh Văn Hoan, anh Hồ Kim Sơn, anh Đào Văn Duy, anh Đỗ Văn Tiền, anh Nguyễn Văn Toàn, anh Vũ Văn Hoàn, anh Hà Ngọc Dĩnh vay tiền đều với lãi suất từ 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 72%/năm) đến 2.500 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 90%/năm) và hành vi Tú A tàng trữ, cất giấu vũ khí thô sơ đều không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an tỉnh Nam Định đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tú A là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, Trần Tú A còn cho 74 người khác vay tiền, tuy nhiên hiện tại những người này không có mặt tại địa phương cư trú, chỉ thu được Biên bản cầm đồ hoặc Giấy vay tiền của những người này nhưng trên giấy không ghi mức lãi suất, Tú A cũng không nhớ lãi suất cho vay và số tiền lãi đã thu được của từng trường hợp cụ thể. Đối với phần tài liệu này, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Nam Định tách ra để điều tra, xác minh tiếp.

Đối với Hoàng Tam Đ đã có hành vi cùng với Trần Tú A cho anh Hà Ngọc Dĩnh vay tiền với lãi suất 54%/năm (gấp 2,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với 04 trường hợp còn lại, do không có căn cứ xác định lãi suất cho vay nên Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với vợ của Trần Tú A là chị Nguyễn Thị Duyên, quá trình điều tra xác định không biết và không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Tú A nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Cáo trạng số 48/CT-VKS-P3 ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Tú A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, đề bị cáo sớm được trở lại với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Tú A từ 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách gấp đôi về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Không án dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Tú A phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đề nghị truy thu đối với số tiền gốc dùng để cho vay là 344.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 21.066.664 đồng của bị cáo Trần Tú A để sung ngân sách Nhà nước; buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Trần Tú A.

- Đề nghị xử lý vật chứng, án phí; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phản tranh luận không có ý kiến gì. Lời sau cùng, bị cáo Trần Tú A xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 12/2022, tại cửa hiệu cầm đồ "Tú A", có địa chỉ tại Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, Trần Tú A đã có hành vi cho 41 người vay tổng số tiền là 344.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 108%/năm đến 180%/năm (gấp 5,4 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%) thu về tổng số tiền lãi là 178.520.000 đồng, trong đó khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm là 21.066.664 đồng và thu lợi bất chính số tiền lãi là 157.453.336 đồng.

Hành vi của Trần Tú A là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự.

Vì vậy, hành vi của Trần Tú A đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS nên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Trần Tú A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Tú A phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo còn có đơn trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy, cần áp dụng khoản 2 Điều 201 BLHS để xử phạt đối với Trần Tú A. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan

hồng của pháp luật không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục được đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật thì bị cáo Trần Tú A sẽ bị tịch thu, truy thu toàn bộ số tiền dùng để cho vay là 344.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 21.001.108 đồng; ngoài ra bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ dân sự trả lại số tiền đã chiếm hưởng bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 157.008.892 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, xin được miễn hình phạt bổ sung. Vì vậy cần xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Tú A.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

[7.1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng bị cáo Trần Tú A đã chiếm hưởng bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 157.453.336 đồng - 444.444 đồng (tiền lãi NLQ41 chưa trả cho bị cáo) = 157.008.892 đồng. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền nói trên.

[7.2] Đối với số tiền nợ gốc mà một số người vay chưa trả cho bị cáo, đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền để sung Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Truy thu đối với NLQ6 số tiền là 5.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ8 số tiền là 2.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ14 số tiền là 4.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ18 số tiền là 5.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ19 số tiền là 5.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ19 số tiền là 10.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ22 số tiền là 5.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ23 số tiền là 2.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ25 số tiền là 12.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ36 số tiền là 10.000.000 đồng;
- Truy thu đối với NLQ41 số tiền là 5.000.000 đồng;

Tổng cộng, số tiền cần truy thu của 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là: 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

[7.3] Đối với khoản tiền mà bị cáo Trần Tú A dùng để cho vay là 344.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 21.066.664 đồng - 55.556 đồng (tiền lãi NLQ41 chưa trả) = 21.011.108 đồng; tổng cộng là 365.011.108 đồng, được xác định là phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần tuyên truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với toàn bộ số tiền của các bị cáo như đã nói trên. Được đối trừ vào số tiền 65.000.000 đồng truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả tiền gốc vay của bị cáo thì bị cáo Trần Tú A còn phải nộp 300.011.108 đồng (Ba trăm triệu, không trăm mười một nghìn, một trăm linh tám đồng).

[8] Về xử lý các vật chứng thu giữ, cần phải:

- Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu đen của Trần Tú A đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao và 02 con dao đã thu giữ của Trần Tú A vì không có giá trị.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Tú A phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS;

1.1 Tuyên bố bị cáo Trần Tú A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

1.2 Xử phạt bị cáo Trần Tú A 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 14/12/2022 đến ngày 22/12/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS; Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và việc xét xử vụ án hình sự về “tội cho vay lãi nặng” trong giao dịch dân sự;

2.1 Buộc bị cáo Trần Tú A phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho NLQ1 số tiền 222.222 đồng (Hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng);

- Trả cho NLQ2, số tiền 18.666.667 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Trả cho NLQ3 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);

- Trả cho NLQ4 số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

- Trả cho NLQ5 số tiền 516.667 đồng (Năm trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Trả cho NLQ6 số tiền 6.666.667 đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Trả cho NLQ7, số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Trả cho NLQ8 số tiền 1.111.111 (Một triệu một trăm mười một nghìn, một trăm mười một đồng);

- Trả cho NLQ9 số tiền 8.266.667 đồng (Tám triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Trả cho NLQ10 số tiền 2.666.667 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Trả cho NLQ11 số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

- Trả cho NLQ12 số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ13 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Trả cho NLQ14 số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm nghìn đồng)
- Trả cho NLQ15 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Trả cho NLQ16 số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng);
- Trả cho NLQ17 số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);
- Trả cho NLQ18 số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);
- Trả cho NLQ19 886.667 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)
- Trả cho NLQ19 số tiền 2.666.667 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ21 số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);
- Trả cho NLQ22 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- Trả cho NLQ23 số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng);
- Trả cho NLQ24 số tiền 733.333 đồng (Bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);
- Trả cho NLQ25 số tiền 9,800,001 (Chín triệu, tám trăm nghìn, không trăm lẻ một đồng)
- Trả cho NLQ26 số tiền 2.666.667 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ27 số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ28 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- Trả cho NLQ29 số tiền 800.000 đồng (Tám trăm đồng);
- Trả cho NLQ30 số tiền 83.333 đồng (Tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

- Trả cho NLQ31 số tiền 8.266.667 đồng (Tám triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ32 số tiền 366.667 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ33 số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng);
- Trả cho NLQ34 số tiền 533. 333 đồng (Năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);
- Trả cho NLQ35 số tiền 6.666.667 đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ36 số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng)
- Trả cho NLQ37 số tiền 2.666.667 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ38 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)
- Trả cho NLQ39 số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- Trả cho NLQ40 số tiền 333.333 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2 Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Trần Tú A, cụ thể:

- NLQ6 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);
- NLQ8 phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- NLQ14 phải nộp số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
- NLQ18 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);
- NLQ19 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);
- NLQ19 phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- NLQ22 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);
- NLQ23 phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- NLQ25 phải nộp số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);
- NLQ36 phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- NLQ41 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);

2.3 Truy thu để sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Trần Tú A dùng để cho vay là 344.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 21.011.108 đồng, tổng cộng là 365.011.108 đồng; được trừ vào số tiền 65.000.000 đồng truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả tiền gốc vay thì bị cáo Trần Tú A còn phải nộp 300.011.108 đồng (Ba trăm triệu, không trăm mười một nghìn, một trăm linh tám đồng).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Trần Tú A;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao bằng kim loại dài 56cm, có lưỡi sắc, mũi vòng; 01 (Một) dao bằng kim loại dài 54cm, có lưỡi sắc, mũi nhọn; 01 (Một) dao bằng kim loại dài 190cm, có lưỡi sắc, mũi nhọn đã thu giữ của bị cáo Trần Tú A.

(Chi tiết vật chứng được nêu trong Biên bản giao nhận vật chứng số 69/23 ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa Phòng PC02 - Công an tỉnh Nam Định và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Buộc bị cáo Trần Tú A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trần Tú A phải nộp 7.850.445 đồng (Bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cơ quan điều tra - CA tỉnh Nam Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam